TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG** Bản án số: **14**/2019/DS-ST Ngày: 19-4-2019 *V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trúc Phương.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Phước.

2. Ông Đỗ Ngọc Cận.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Việt Dũng, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 19/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 308/2018/TLST-DS ngày 19/10/2018 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-DS ngày 28/01/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng B**; địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower số 109, đường T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Hồng Quốc H**; Chức vụ: Chuyên viên Ngân hàng B – Chi nhánh S; địa chỉ: đường H, phường S, thành phố S (theo văn bản ủy quyền số 629, ngày 17/09/2018- Có mặt).

- Bị đơn: **Ông Mai Thanh T (vắng mặt)**;

Địa chỉ: Ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: đường C, khóm B, phường T, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/9/2018 của Ngân hàng B (sau đây viết là Ngân hàng) thì:

Ngày 24/10/2016, ông Mai Thanh T có ký với Ngân hàng B-Chi nhánh S hợp đồng tín dụng số 1471/2016/HĐTD/CNSocTrang để vay số tiền 300.000.000

đồng, mục đích vay tiêu dùng không có tài sản đảm bảo, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 12%/năm, lãi suất phạt quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn; Hình thức trả nợ: Chia làm 60 kỳ, mỗi kỳ trả gốc 5.000.000 đồng, cố định ngày 10 hàng tháng, lãi vay tính theo dư nợ thực tế, kỳ trả nợ đầu tiên ngày 10/11/2016, kỳ trả nợ cuối vào ngày 22/10/2021; ông T đã nhận đủ số tiền 300.000.000 đồng theo giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1471/2016/HĐTD/CNSocTrang-KU01; Hợp đồng tín dụng này không có tài sản đảm bảo.

Sau khi vay đến ngày 17/9/2018 ông T đã trả nợ gốc được 105.001.925 đồng và tiền lãi là 51.783.333 đồng, còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc là 199.088.898 đồng (trong đó tiền gốc là 194.998.101 đồng, tiền lãi là 4.090.797 đồng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết thì ông T đã trả cho Ngân hàng được số tiền gốc tính đến hết ngày 18/4/2019 là 140.000.020 đồng, lãi là 64.738.333 đồng và không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận trong hợp đồng mà các bên ký kết. Do đó tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vốn và lãi như sau:

Buộc ông Mai Thanh T trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu Điện Liên Việt số tiền vốn và lãi tính đến hết ngày 18/4/2019 là 163.584.980 đồng, trong đó nợ gốc là 159.999.980, tiền lãi trong hạn là 3.470.000 đồng, lãi quá hạn là 115.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 26/11/2018 ông Mai Thanh T trình bày: Vào ngày 24/10/2016, ông T có ký với Ngân hàng B – Chi nhánh S hợp đồng tín dụng số 1471/2016/HĐTD/CNSocTrang để vay số tiền 300.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng không có tài sản đảm bảo, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 12%/năm, lãi suất phạt quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn; Hình thức trả nợ: Chia làm 60 kỳ, mỗi kỳ trả gốc 5.000.000 đồng, cố định ngày 10 hàng tháng, lãi vay tính theo dư nợ thực tế, kỳ trả nợ đầu tiên ngày 10/11/2016, kỳ trả nợ cuối vào ngày 22/10/2021; Ông T đã nhận đủ số tiền 300.000.000 đồng theo giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1471/2016/HĐTD/CNSocTrang-KU01, thừa nhận còn nợ số tiền vốn lãi theo yêu cầu của của ngân hàng nhưng do hiện nay không có việc làm ổn định nên yêu cầu ngân hàng cho ông T được kéo dài hạn vay, để giảm số tiền thanh toán mỗi kỳ trả nợ gốc xuống còn 2.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo dư nợ thực tế, nhưng phía ngân hàng không đồng ý.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đối với nguyên đơn đã chấp hành tốt quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt khi Tòa án triệu tập là chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Mai Thanh T trả số tiền gốc, lãi còn nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 1471/2016/HĐTD/CNSocTrang, ngày 24/10/2016 nên quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Mai Thanh T trả nợ theo hợp đồng tín dụng số 1471/2016/HĐTD/CNSocTrang, ngày 24/10/2016, do hợp tín dụng được ký kết tại chi nhánh Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu Điện Liên Việt Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b, khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Do ông Mai Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa hôm nay không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xử vắng mặt ông T.

[4] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Hồng Quốc Huy thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vốn và lãi, xét thấy việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện: Ông T và Ngân hàng có ký kết Hợp đồng tín dụng số 1471/2016/HĐTD/CNSocTrang để vay số tiền 300.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng không có tài sản đảm bảo, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 12%/năm, lãi suất phạt quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn; Hình thức trả nợ: Chia làm 60 kỳ, mỗi kỳ trả gốc 5.000.000 đồng, cố định ngày 10 hàng tháng, lãi vay tính theo dư nợ thực tế, kỳ trả nợ đầu tiên ngày 10/11/2016, kỳ trả nợ cuối vào ngày 22/10/2021; Ông T đã nhận đủ số tiền 300.000.000 đồng theo giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1471/2016/HĐTD/CNSocTrang-KU01 ngày 24/10/2016; Sau khi vay thì ông T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng mà các bên ký kết nên ngày 17/9/2018 Ngân hàng khởi kiện ông T, sau đó ông T có trả một phần nợ cho Ngân hàng, tính đến hết ngày 18/04/2019 thì ông T trả được tiền nợ gốc là 140.000.020 đồng và tiền lãi là

64.738.333 đồng và còn nợ Ngân hàng tiền vốn là 159.999.980 đồng, tiền lãi trong hạn là 3.470.000 đồng và lãi quá hạn là 115.000 đồng.

Do ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng yêu cầu ông T trả toàn bộ số tiền vốn vay còn nợ là có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu tính lãi: Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc Ngân hàng yêu cầu trả lãi với lãi suất trong hạn là 12%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn, tính đến hết ngày 18/4/2019 lãi trong hạn là 3.470.000 đồng, lãi quá hạn là 115.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận tại các khoản 2, khoản 3, Điều 5 của hợp đồng tín dụng và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy ông T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền vốn và lãi tính đến hết ngày 18/4/2019 là 163.584.980 đồng (trong đó nợ gốc còn lại là 159.999.980 đồng, lãi trong hạn là 3.470.000 đồng, lãi quá hạn là 115.000 đồng).

[7] Xét việc ông T yêu cầu Ngân hàng giảm số tiền trả nợ mỗi kỳ xuống còn 2.000.000 đồng gốc và tiền lãi phát sinh theo dư nợ thực tế do yêu cầu này của ông T không được phía ngân hàng đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận.

[8] Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu tiền án phí; bị đơn ông Mai Thanh T phải chịu 8.179.250 đồng theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu Điện Liên Việt.

- Buộc ông Mai Thanh T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu Điện Liên Việt số tiền tổng cộng đến hết ngày 18/4/2019 là 163.584.980 đồng (trong đó tiền gốc còn nợ 159.999.980 đồng, lãi trong hạn 3.470.000 đồng, lãi quá hạn 115.000 đồng)

- Kể từ ngày 19/4/2019, ông Mai Thanh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1471/2016/HĐTD/CNSocTrang, ngày 24/10/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Mai Thanh T phải chịu là 8.179.250 đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu Điện Liên Việt không phải chịu, trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu Điện Liên Việt số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.977.000 đồng theo biên lai số 0004656 ngày 04/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- TAND T. Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Trúc Phương